UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3698 /HD-SNNMT	*Quảng Trị, ngày 06 tháng 11 năm 2025*

HƯỚNG DẪN

đánh giá, xét công nhận và công bố thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới; thôn/bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (cũ) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 8/8/2022, Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành, sửa đổi Bộ tiêu chí xây dựng Vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn/bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 17/10/2022, của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng Vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ văn bản số 1557/UBND-NNMT ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về Hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành hướng dẫn đánh giá, xét công nhận và công bố thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới; thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này thay thế hướng dẫn số 3205/SNN-VPĐP ngày 28/11/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông Nghiệp và Môi trường) tỉnh Quảng Bình (cũ), Hướng dẫn số 227/HD-VPĐP-NTM ngày 29/11/2022 và Hướng dẫn số 210/HD-VPĐP ngày 11/11/2022 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng trị (cũ) về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn (viết tắt là ĐBKK); thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới (viết tắt là NTM) kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

1.2 Đối tượng áp dụng:

- Các thôn, bản, khu dân cư và các hộ gia đình có vườn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thuộc phạm vi xét, công nhận thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu nông thôn mới.

- Các thôn/bản, khu dân cư (được đổi tên từ các khu phố của thị trấn) thuộc các xã mới sau sáp nhập.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã đặc biệt khó khăn; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau sáp nhập).

2. Điều kiện công nhận.

- Thôn/bản, khu dân cư đạt chuẩn thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu khi đạt 100% tiêu chí quy định tại Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày

17/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình cũ (Đối với các thôn/bản, khu dân cư thuộc địa bàn tỉnh Quảng Bình trước sáp nhập), Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị cũ (Đối với các thôn/bản, khu dân cư thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị trước sáp nhập).

- Vườn đạt chuẩn vườn mẫu nông thôn mới khi đạt 100% tiêu chí quy định tại Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình cũ (Đối với các vườn mẫu NTM thuộc địa bàn tỉnh Quảng Bình trước sáp nhập), Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị cũ (Đối với các vườn mẫu NTM thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị trước sáp nhập).

- Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn được công nhận khi đạt 100% tiêu chí quy định tại Quyết định 2438/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình cũ (Đối với các thôn/bản, khu dân cư thuộc địa bàn tỉnh Quảng Bình trước sáp nhập), Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị cũ (Đối với các thôn/bản, khu dân cư thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị trước sáp nhập).

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ THÔN/BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THUỘC CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN; THÔN/BẢN, KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU; VƯỜN MẪU NÔNG THÔN MỚI.

1. Thẩm quyền thực hiện và công nhận

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã đặc biệt khó khăn; thôn/bản, khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM trên cơ sở đề nghị của Phòng Kinh tế và Báo cáo thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí thôn/ bản NTM; thôn/ bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM của Ban chỉ đạo NTM cấp xã.

- Thẩm quyền thực hiện một số nội dung trong Bộ Tiêu chí thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM giai đoạn 2021-2025 khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp của tỉnh Quảng Trị sau sáp nhập: Số hộ có vườn trên địa bàn thôn thực hiện xây dựng vườn mẫu NTM do UBND cấp xã quy định; số thôn có xây dựng Phương án thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã đặc biệt khó khăn được UBND cấp xã phê duyệt; số thôn có xây dựng Phương án thôn/bản, khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu được UBND cấp xã phê duyệt (nếu đến ngày 01/7/2025 chưa được cấp huyện phê duyệt).

- Tổ chức đánh giá: Ban Phát triển thôn tổ chức đánh giá, nếu đủ điều kiện thì lập hồ sơ trình UBND cấp xã đề nghị công nhận.

- Tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã (thông qua Phòng Kinh tế).

2. Quy trình thực hiện

2.1. Tổ chức tự đánh giá, lấy ý kiến và hoàn thiện hồ sơ

+ Ban Phát triển thôn xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn NTM; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Ban Công tác Mặt trận, các Chi hội thôn. Báo cáo được thông báo, công bố công khai tại nhà văn hóa thôn và trên hệ thống loa truyền thanh của thôn trong thời gian 10 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân; bổ sung, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn/bản NTM; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM.

+ Ban Phát triển thôn tổ chức họp thảo luận, bỏ phiếu, đề nghị xét, công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM hoàn thiện hồ sơ khi ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Ủy ban nhân dân xã.

a. Thành phần tham gia cuộc họp, gồm:

- Thành viên Ban phát triển thôn;

- Ban công tác Mặt trận thôn, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện một số hộ gia đình.

- Các thành viên khác do Ban phát triển thôn mời như: Đại diện Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hoá xã, Hợp tác xã…

b. Hồ sơ đề nghị xét công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã đặc biệt khó khăn; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM được nộp trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã (thông qua Phòng Kinh tế) để thẩm định (02 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Ban Phát triển thôn đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn/bản thuộc các xã ĐBKK đạt chuẩn NTM; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo).

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn/bản NTM thuộc các xã ĐBKK; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM trên địa bàn thôn (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo).

- Biên bản cuộc họp của Ban Phát triển thôn đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo).

- Một số hình ảnh minh chứng về kết quả xây dựng NTM kiểu mẫu của thôn, khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu NTM, thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK.

2.2. Tổ chức thẩm định, đề nghị xét công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK, thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM.

a. Trường hợp thôn, khu dân cư; vườn chưa đủ điều kiện hoặc hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Kinh tế trả lời bằng văn bản cho Ban Phát triển thôn và nêu rõ lý do.

b. Trường hợp thôn, khu dân cư, vườn đủ điều kiện:

+ Phòng Kinh tế xã tổ chức thẩm định hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng thôn/bản NTM thuộc các xã ĐBKK; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM đối với từng thôn/vườn đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận; xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt đối với từng thôn; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên đài truyền thanh xã; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng thôn khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

+ Mặt trận cấp xã chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận thôn và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc đề nghị công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM.

c. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK, thôn/bản NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của Phòng Kinh tế đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK; thôn/bản, khu dân cư NTM kiểu mẫu; vườn mẫu NTM đối với từng thôn/bản (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo).

- Báo cáo của Phòng Kinh tế về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn đối với từng thôn/bản; vườn mẫu NTM (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo).

- Báo cáo của Phòng Kinh tế về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã đối với kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn đối với từng thôn/bản, vườn mẫu NTM (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo).

- Báo cáo của Mặt trận cấp xã về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc đề nghị công nhận thôn/bản đạt chuẩn NTM thuộc các xã ĐBKK, thôn/bản NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM đối với từng thôn (Mẫu số 7-11 tại Phụ lục kèm theo). Kèm theo hồ sơ của Ban Phát triển thôn được quy định tại điểm b, mục 2.1, nội dung 2, phần II của Hướng dẫn này.

d. Thẩm định: UBND cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định xét công nhận thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới; thôn/bản đạt chuẩn NTM để thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định họp, thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận thôn/ bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Phòng kinh tế xã hoàn thiện hồ sơ khi kết quả nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt từ 90% trở lên trình chủ tịch UBND xã xem xét, quyết định.

e. Công nhận: Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu và cấp giấy công nhận thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu. thôn ĐBKK, vườn mẫu.

f. Công bố: Chủ tịch UBND cấp xã chủ trì công bố thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu, thôn ĐBKK, vườn mẫu trong vòng 45 ngày, kể từ ngày ký quyết định công nhận.

Trên đây là hướng dẫn về điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thôn/bản, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, chỉ đạo, hướng dẫn các thôn, bản, khu dân cư, hộ dân cư triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ngành phụ trách tiêu chí (đ/biết);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các xã;
- Lưu: VPĐP, KHTH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Đình Hiệp

Phụ lục

CÁC MẪU CỦA HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN THÔN/BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THUỘC CÁC XÃ ĐBKK, THÔN/BẢN, KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, VƯỜN MẪU NÔNG THÔM MỚI

Mẫu số 01

UBND XÃ….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BAN PHÁT TRIỂN THÔN….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/TTr-BPT	*....., ngày .... tháng ..... năm 20....*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, xét, công nhận ……
đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm …….

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ……

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ……/ ……/20 …của Ban phát triển thôn ……. đề nghị xét, công nhận …. đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm……

Ban phát triển thôn ……. kính trình UBND xã …… thẩm định, đề nghị xét công nhận thôn đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm….

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của Ban phát triển thôn đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu năm……
2. Báo cáo ……về kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm …của…… *(bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm).*
3. Báo cáo của Ban phát triển thôn …… tổng hợp ý kiến tham gia của Ban công tác mặt trận, các chi hội của thôn và nhân dân trong thôn đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm…. của thôn (bản chính).
4. Hình ảnh minh hoạ (nếu có).

Kính đề nghị UBND xã …… xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:	**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN**
- Như trên;	**TRƯỞNG THÔN**
- ……;	
- Lưu: BPT thôn	*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 02

UBND XÃ….
BAN PHÁT TRIỂN THÔN….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/BC-BPT

……., ngày …. tháng …… năm 20….

BÁO CÁO
Kết quả xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm ……
của……., xã ……

I. Đặc điểm tình hình chung

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn; những thuận lợi, khó khăn trong xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM.

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, xã.

III. Kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM

1. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng thôn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM

Tổng kinh phí đã thực hiện: ……. triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước *(bao gồm Ngân sách Trung ương, tỉnh, xã)* …….. triệu đồng, chiếm ……%;

b) Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm .....%;

b) Vốn tín dụng: …… triệu đồng, chiếm .....%;

c) Vốn huy động từ Doanh nghiệp, Nhân dân và các nguồn khác: ……. triệu đồng, chiếm .....%;

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM

Tổng số tiêu chí thôn tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM theo quy định là…../……. (tổng số) tiêu chí, đạt ……. %, cụ thể

a) Tiêu chí số ……. về …….

+ Các nội dung đã thực hiện: ……
……;

+ Khối lượng thực hiện: …….
…….;

+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

- Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …… *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

b) Tiêu chí số ……. về …….

+ Các nội dung đã thực hiện: ……
……;

+ Khối lượng thực hiện: …….
…….;

+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

- Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …… *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

(Thực hiện tương tự cho tất cả các tiêu chí trong Bộ tiêu chí)

IV. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

V. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

(Đính kèm bảng tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chí)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……..;
- Lưu: VT,
…….

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG THÔN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ THÔN NTM/NTM KIỂU MẪU/VƯỜN MẪU NTM
……., xã ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BPTT ngày / /20……. của Ban Phát triển thôn ……)

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (cần ghi rõ từng tiêu chí)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn

Mẫu số 03

UBND XÃ….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BAN PHÁT TRIỂN THÔN….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày …. tháng …… năm 20….

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận ……..…… đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm ...…

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số …… ngày …../ ……/ ……. của Ban Phát triển thôn ……. về kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM *(Báo cáo được hoàn thiện sau khi có ý kiến góp ý của Ban công tác Mặt trận, các chi hội và nhân dân)*

Hôm nay, vào hồi ……... giờ …… phút ngày ……/……/ …… tại ……., Ban Phát triển thôn …… (xã …….……) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): …… - Chức vụ: …… - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): …… - Chức vụ: ……
- ……..
- Ông (bà): …… - Chức vụ: …… - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Ban Phát triển thôn báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/ vườn mẫu NTM; ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận, các chi hội và nhân dân về kết quả xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM của thôn.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận thôn…đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm ……, cụ thể như sau:

- ……
- ……

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn …… đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm ……. là ……/tổng số …… thành viên tham dự cuộc họp, đạt ……. %.

Biên bản kết thúc hồi …… giờ …… phút ngày ……/ ……/ ……, đã thông

qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ……%.

Biên bản này được lập thành …… bản có giá trị pháp lý như nhau: Ban Phát triển thôn lưu ……. bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/ vườn mẫu NTM gửi UBND xã…… bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 04

UBND XÃ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
PHÒNG KINH TẾ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/TTr-UBND	*……, ngày …… tháng …… năm 20……*

.

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, xét, công nhận ……
đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu năm …….

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Ủy ban nhân dân xã ….

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Phòng Kinh tế……kính trình Hội đồng thẩm định UBND xã ……thẩm định, xét, công nhận …...……. đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm ….

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo của Phòng Kinh tế……về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm…… đối với thôn/vườn mẫu ……. (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí thôn, bản NTM/NTM kiểu mẫu/ vườn mẫu NTM);

2. Báo cáo của Phòng Kinh tế ……. tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia vào kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm …. đối với thôn/vườn mẫu ……. (bản chính);

3. Báo cáo của Mặt trận cấp xã về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc công nhận thôn đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm …. (bản chính).

(Kèm theo bộ hồ sơ của thôn …. …nộp để thẩm định)

Kính đề nghị Hội đồng thẩm định UBND xã ……. xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:	**TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ**
- Như trên;	
- ……;	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ… **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-PKT	*……, ngày ..... tháng ..... năm 20….*

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm ……đối với thôn/vườn mẫu……

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn …… tại Tờ trình số ……../TTr-BPT ngày ……/ …..../ …… về việc thẩm định, đề nghị xét công nhận thôn đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu năm ……

Căn cứ kết quả thẩm định, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng thôn NTM/NTM kiểu mẫu trên địa bàn thôn ……, UBND xã …… báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn NTM/NTM kiểu mẫu năm ……đối với ……, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Thời gian thẩm định (từ ngày ……/ ……/……. đến ngày …..../…..../ ……):

I. Về hồ sơ

II. Về kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/ vườn mẫu NTM

1. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM/NTM kiểu mẫu/ vườn mẫu NTM

Tổng kinh phí đã thực hiện: ……. triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước *(bao gồm Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã)* ……. triệu đồng, chiếm ……%;

b) Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm .....%;

b) Vốn tín dụng: …… triệu đồng, chiếm .....%;

c) Vốn huy động từ Doanh nghiệp, Nhân dân và các nguồn khác: …… triệu đồng, chiếm .....%;

2. Mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn NTM/NTM kiểu mẫu/ vườn mẫu NTM

Tổng số tiêu chí thôn tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM theo quy định là ……/ ……. (tổng số) tiêu chí, đạt ……. %, cụ thể

a) Tiêu chí số ……. về …….

+ Các nội dung đã thực hiện: ……
……;
+ Khối lượng thực hiện: …….
……;
+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …… *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

b). Tiêu chí số …… về ……..

+ Các nội dung đã thực hiện: ……
……;
+ Khối lượng thực hiện: …….
……;
+ Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ……. triệu đồng.

- Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí …… *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

(Thực hiện tương tự cho tất cả các tiêu chí trong Bộ tiêu chí)

3. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM

- ……

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM

- Tổng số tiêu chí NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM của …… đã được Phòng Kinh tế…… thẩm định đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM tính đến thời điểm thẩm định là: ……/…… tiêu chí, đạt ……%.

III. KIẾN NGHỊ

……
……../.

Nơi nhận:
- …….;
- Lưu: VT, ……

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN NTM/NTM KIỂU MẪU/VƯỜN MẪU NTM
……., xã ……

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-PKT ngày ….. của Phòng Kinh tế xã …….)

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (cần ghi rõ từng tiêu chí)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả thẩm định của UBND cấp xã

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ… **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-PKT	*…….. ngày ..... tháng …… năm 20….*

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm….đối với thôn/vườn mẫu….

I. Tóm tắt quá trình Phòng Kinh tế tổ chức lấy ý kiến tham gia

- ……
- ……

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn NTM/NTM kiểu mẫu/vườn mẫu NTM đối với thôn/vườn mẫu….

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận xã và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã -

Hình thức tham gia ý kiến: ……

- Ý kiến tham gia: ……
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): …….

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã

- Hình thức tham gia ý kiến: ……
- Ý kiến tham gia: ……
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): ……

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia: ……
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): …….

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của Phòng Kinh tế xã

- …….
- …….

Nơi nhận: - ……; - Lưu: VT, ……	**TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 07

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Sự hài lòng của người dân về đề nghị thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới

Tại thôn……

Họ và tên: ……; Tuổi: ……; Số điện thoại: ……., Địa chỉ: …….

Stt	Nội dung	Hài lòng	Chưa hài lòng	Lý do chưa hài lòng
1	Đường giao thông thôn, bản, ấp được cứng hóa, sạch sẽ, thuận tiện đi lại; đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển được hàng hóa			
2	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động			
3	Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn đến các hộ gia đình, việc cung cấp và sử dụng điện theo đúng quy định hiện hành (giá bán điện, lắp đặt đồng hồ, cung cấp điện thường xuyên…)			
4	Có nhà văn hóa thôn đảm bảo đủ điều kiện cho các hoạt động trong thôn; có hệ thống loa truyền thanh tốt, đảm bảo tiếp cận thông tin.			
5	Không còn nhà tạm, dột nát kiểu mẫu			
6	Thu nhập của gia đình đảm bảo ổn định cuộc sống			
7	Người dân trên địa bàn thôn trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định			
8	Trẻ em trong độ tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được đi học đầy đủ			

9	Cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, không tồn đọng nước thải, rác thải; các hộ dân được sử dụng nước sách theo quy chuẩn từ các nguồn; chất thải rắn được phân loại thu gom theo quy định, nhà tiêu nhà tắm đảm bảo theo quy định; các cơ sở chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường; các cơ sở SXKD đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm.			
10	Trên địa bàn không có tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, không có cư dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm xâm hại trẻ em, không có khiếu kiện đông người; các tệ nạn xã hội được kiềm chế và giảm dần			
11	Về tổng thể, Ông/Bà hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới của địa phương như thế nào?			

Ngoài những nội dung trên, Ông/Bà còn có ý kiến gì về kết quả xây dựng xã nông thôn mới:

……
……
……

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN	NGƯỜI PHÁT PHIẾU HỎI	NGƯỜI TRẢ LỜI
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 08

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Sự hài lòng của người dân về đề nghị thôn/bản, khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu NTM

Tại thôn……

Họ và tên: ……; Tuổi: ……; Số điện thoại: ……., Địa chỉ: …….

Stt	Nội dung	Hài lòng	Chưa hài lòng	Lý do chưa hài lòng
1	Đường giao thông thôn, bản, ấp được cứng hóa, sạch sẽ, thuận tiện đi lại; đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển được hàng hóa			
2	Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn, đảm bảo mỹ quan, cảnh quan nông thôn			
3	Có nhà văn hóa thôn đảm bảo đủ điều kiện cho các hoạt động trong thôn; có hệ thống loa truyền thanh tốt, đảm bảo tiếp cận thông tin; có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng			
4	Thu nhập của gia đình đảm bảo ổn định cuộc sống			
5	Người dân trên địa bàn thôn trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định			
6	Trẻ em trong độ tuổi mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được đi học đầy đủ			
7	Người dân thường xuyên tham gia chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, cải tạo vườn, nhà ở; thường xuyên trồng hoa, cây xanh			
8	Cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, không tồn đọng nước thải, rác thải; các hộ dân được sử dụng nước sách theo quy chuẩn từ các nguồn; chất thải rắn được phân loại thu gom theo quy định, nhà tiêu nhà tắm đảm bảo theo			

	quy định; các cơ sở chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường; các cơ sở SXKD đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm.			
9	Trên địa bàn không có tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, không có cư dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm xâm hại trẻ em, không có khiếu kiện đông người; các tệ nạn xã hội được kiềm chế và giảm dần			
10	Về tổng thể, Ông/Bà hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới của địa phương như thế nào?			

Ngoài những nội dung trên, Ông/Bà còn có ý kiến gì về kết quả xây dựng xã nông thôn mới:

……
……
……

TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN	NGƯỜI PHÁT PHIẾU HỎI	NGƯỜI TRẢ LỜI
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 09

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Sự hài lòng của người dân về đề nghị vườn mẫu đạt chuẩn nông thôn mới

Tại vườn …….., thôn ……

Họ và tên: ……; Tuổi: …….; Số điện thoại: ……., Địa chỉ: ……

Stt	Nội dung	Hài lòng	Chưa hài lòng	Lý do chưa hài lòng
1	Quy hoạch và bố trí vườn hợp lý			
2	Vườn được ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất			
3	Sản phẩm hàng hoá nông sản, thực phẩm đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm			
4	Cảnh quanh môi trường xanh sạch đẹp, không tồn đọng nước thải, rác thải			
5	Cơ sở chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường			
6	Vườn có thu nhập cao hơn so với các vườn trên địa bàn thôn			
7	Về tổng thể, ông/bà hài lòng về hiệu quả mô hình như thế nào?			

Mẫu số 10

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM XÃ…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Kết quả tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận cấp thôn đạt chuẩn nông thôn mới/ nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm 202…

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện;

- Nội dung, hình thức tổ chức lấy ý kiến.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tổng số khu dân cư tổ chức lấy ý kiến: ……. khu dân cư trong thôn?
2. Tổng số hộ gia đình lấy ý kiến/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn thôn
3. Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày……. đến ngày ……
4. Tổng hợp kết quả phát phiếu phát ra, phiếu thu về

- Tổng số phiếu phát ra: ……. phiếu
- Tổng số phiếu thu về: ……phiếu

6. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến (số lượng, tỷ lệ) theo từng câu hỏi: (Tổng hợp kết quả theo phụ lục đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT *(theo lĩnh vực cụ thể đối với nội dung người dân chưa hài lòng)*

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM XÃ

Mẫu số 11:

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
XÃ…….

BIỂU TỔNG HỢP
Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị thôn ……. đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu/vườn mẫu NTM năm 202…
(Kèm theo Báo cáo số , ngày……. tháng…… năm ….)

- Tổng số hộ dân trên địa bàn thôn: ……
- Tổng số hộ dân được lấy ý kiến: ……hộ (đạt tỷ lệ ……%)
- Tổng số ý kiến hài lòng: ……. hộ (đạt tỷ lệ …… %)
- Tổng số ý kiến không hài lòng: …… (đạt tỷ lệ ……%)
- Ý kiến khác (nếu có):

Stt câu hỏi	Nội dung	Tổng số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về	Hài lòng		Không hài lòng		Lý do không hài lòng	Kiến nghị, đề xuất
				Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Không hài lòng	Tỷ lệ (%)		
1									
2									
…									
	Tổng cộng								

Người tổng hợp **TM BAN THƯỜNG TRỰC**